

Bản án số: 96/2023/HS-ST
Ngày 28-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Vân;
Ông Đàm Đình Lập.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Nhà văn hóa tổ dân phố I, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 417/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mông Văn T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 2 năm 1993 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm L, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 06/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mông Văn L, sinh năm 1960 và bà Lộc Thị C, sinh năm 1962; vợ: Bế Thị L1, sinh năm 1992 và 02 con: Không; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị T1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. (Có mặt)

- Người làm chứng: Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1984; Lương Thị Ngọc T2, sinh năm 2007;

Cùng trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 45 phút ngày 07 tháng 3 năm 2023 tổ công tác Công an huyện H phối hợp Đoàn Biên phòng cửa khẩu L3 đang làm nhiệm vụ tại khu vực mốc 844/2 thuộc xóm L, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng phát hiện Mông Văn T điều khiển xe máy Honda Wave s màu vàng đen mang BKS 11K1-043.05 đi từ xóm L về xóm L, xã M và hai người phụ nữ là Lê Thị Mỹ H sinh năm 1984, Lương Thị Ngọc T2 sinh năm 2007, cùng trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang đang đứng ở bên đường có biểu hiện nghi vấn về xuất nhập cảnh trái phép, tổ công tác tiếp cận để kiểm tra thấy H, T2 không có giấy tờ theo quy định, nên cả 03 người, phương tiện được đưa đến trụ sở xã L tiếp tục xác minh làm rõ.

Tiến hành điều tra đã xác định được như sau: Ngày 04/3/2023 có một người đàn ông Trung Quốc tên “Váy” thường trú ở Bản C, T, Đ, Q, Trung Quốc gọi qua Wechat cho Mông Văn T, đặt vấn đề đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua khu vực T gần mốc 844/2 thuộc L, xã L, huyện H nêu trót lọt sẽ được được “Váy” trả công 200CNY (nhân dân tệ)/01 người, tiền được đưa khi giao nhận người, T đồng ý. Đến ngày 05/3/2023 V gửi T số điện thoại 0865.746.793 của tài khoản Wechat “Nhà xe H1” để Trọng liên lạc. Khoảng 16 giờ 30 ngày 07/3/2023 tài khoản “Nhà xe H1” thông báo cho T biết có 02 người muốn đi sang Trung Quốc đang ở bến xe khách tỉnh Cao Bằng, người này hỏi T “có đưa sang Trung Quốc được không?”, T trả lời “được”, nên tài khoản “Nhà xe Hải A” gửi T số điện thoại 0865.114.324 để chủ động liên lạc. Khoảng 17 giờ cùng ngày có một người phụ nữ gọi điện cho T từ số điện thoại 0865.114.324 để trao đổi việc xuất cảnh trái phép, nên T hướng dẫn người này đi xe taxi từ thành phố C đến huyện H, sau đó đi theo đường vành đai biên giới qua xóm L vào xóm L, xã L, Trọng nhận khi nào đến nơi nhìn thấy một chiếc xe máy bên đường thì dừng lại, đồng thời T lấy chiếc xe máy Honda Wave S màu vàng đen mang BKS 11K1-043.05 của Mông Văn N, sinh năm 1984, trú tại L, L, Hạ L2 ra chờ ở nơi hẹn, khi đến khu vực mốc 844/2 T để xe máy ở bên đường sau đó đi xuống bãi đất trống ở bờ sông chờ. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày có một chiếc xe ô tô màu trắng không rõ biển kiểm soát đi đến và có một người phụ nữ gọi điện cho T, sau khi hai bên xác nhận đó chính là người muốn xuất cảnh trái phép thì có 02 người phụ nữ đi xuống xe và đến gần T để chuẩn bị đi sang Trung Quốc thì bị tổ công tác Công an huyện H phát hiện, kiểm tra lập biên bản phạm pháp quả tang theo quy định.

Lê Thị Mỹ H khai nhận có con gái tên Y đang sinh sống ở Trung Quốc, Y gọi qua mạng xã hội bảo H và T2 đến tỉnh Quảng Đông để làm việc tại trang trại chăn nuôi của Y, Y gửi số điện thoại để H liên lạc trên đường đến huyện H, tỉnh Cao Bằng, khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/3/2023 khi H, T2 vừa xuống xe taxi ở điểm hẹn để xuất cảnh trái phép thì bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy Honda Wave S màu vàng đen mang BKS 11K1-043.03 là của Mông Văn N, sinh năm 1984, trú tại L, L, H, khi T mượn xe N không biết T dùng vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã có

quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy cho Mông Văn N là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKSCB-P1 ngày 08/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Mông Văn T về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là đúng với hành vi đã thực hiện.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Mông Văn T về tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mông Văn Trọng phạm t “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Mông Văn T từ 12 đến 18 tháng tù; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại VIVO Y15S của bị cáo Mông Văn T do dùng vào việc phạm tội.

Về án phí: Đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên Nguyễn Thị T1 trình bày lời bào chữa: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét diễn biến hành vi phạm tội, về nguyên nhân và hoàn cảnh của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo đóng vai trò là người thực hành, 01 mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không có đồng phạm; nguyên nhân phạm tội do không có việc làm ổn định, mục đích để hưởng lợi về kinh tế, tuy nhiên bị cáo chưa được hưởng lợi; là lao động chính, gia đình thuộc hộ nghèo, sống ở vùng kinh tế khó khăn, vợ không có việc làm ổn định, có 02 con nhỏ sinh 2016 và 2022; trình độ, nhận thức pháp luật hạn chế; Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt; Thái độ khai báo, tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự và xử phạt với mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về án phí: bị cáo có đơn xin Miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên, không có ý kiến bổ sung và tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 19 giờ 55 phút ngày 07/ 3 /2023 tại xóm L, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng lập; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo thể hiện nội dung liên quan đến hành vi bị cáo thực hiện; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại của người xuất cảnh; Lời khai của công dân xuất cảnh trái phép; Phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Vì vụ lợi, ngày 04/3/2023 Mông Văn T được người đàn ông Trung Quốc tên “Váy” trao đổi để đón, đưa 02 người xuất cảnh trái phép qua khu vực mốc 844/2 thuộc xóm L, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng với tiền công 200 CNY/01 người. Ngày 07/3/2023 Lê Thị Mỹ H liên lạc với T để cùng con gái xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì được T hướng dẫn đường đến khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép, khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày khi H và Lương Thị Ngọc T2 đến nơi hẹn gặp T chuẩn bị xuất cảnh trái phép thì bị tổ công tác Công an huyện H kiểm tra ngăn chặn.

Hành vi đón, đưa người Việt Nam để vượt biên sang Trung Quốc mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật vì động cơ vụ lợi là vi phạm pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp; Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo là người trực tiếp được đối tượng Trung Quốc sử dụng tài khoản “Váy” thuê đi đón người và đưa dẫn vượt biên trái phép; bị cáo cũng là người trực tiếp liên lạc với đối tượng sử dụng số điện thoại 0865.746.793 và tài khoản Wechat “Nhà xe Hải A” để thống nhất thời gian, địa điểm, đưa người vượt biên sang Trung Quốc để hưởng lợi về tiền; như vậy, bị cáo Trọng giữ vai trò là người thực hành về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; bị cáo là người địa phương thông thuộc đường biên giới, việc đưa những người có ý định xuất cảnh trái phép qua biên giới sang Trung Quốc đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại khu vực biên giới; Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; gia đình hoàn cảnh, vợ không có việc làm ổn định, có 02 con còn nhỏ sinh năm 2016 và 2022.

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi tổ chức đón, đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của bị cáo thực hiện chưa trót lọt, nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, cần áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, do vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo và sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời để giáo dục phòng ngừa chung.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên và ý kiến bào chữa của người bào chữa về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ; tuy nhiên cần áp dụng hình phạt trên mức khởi điểm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, nên không đặt ra việc truy thu số tiền.

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước điện thoại của bị cáo đã dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này có người đàn ông Trung Quốc tên “Váy” và Lương Thị Thu Y1 (đang sống ở Trung Quốc) có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên ngoài lời khai của bị cáo và nhân chứng ra chưa có thêm tài liệu nào khác để thực hiện việc tương trợ tư pháp, nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Đối với người dùng số điện thoại 0865.746.793 và tài khoản Wechat “Nhà xe H1” liên lạc để đưa đón người xuất cảnh trái phép, Cơ quan điều tra đã có Công văn yêu cầu nhà mạng V1 Chi nhánh C1 cung cấp lịch sử cuộc gọi, nhưng hiện chưa có kết quả trả lời, nếu sau này có căn cứ sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với Lê Thị Mỹ H, Lương Thị Ngọc T2 có hành vi xuất cảnh nhưng không làm thủ tục theo quy định, Cơ quan điều tra đã có công văn gửi chính quyền địa phương nơi cư trú để có biện pháp răn đe, giáo dục và cam đoan không tái phạm.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí và tại phiên tòa Trợ giúp viên đã cung cấp đơn xin miễn án phí của bị cáo. Xét thấy yêu cầu của bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Mông Văn Trọng phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Mông Văn T **15** (mười năm) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 07/3/2023.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại di động VIVO Y15S Màu xanh – đen của Mông Văn T”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

Xác nhận vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 126 ngày 14 tháng 6 năm 2023.

3. Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Mông Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Mông Văn T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- PC 10 - CA tỉnh;
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa

